ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 24/12/2014 **Tiết:** 2-3
Phòng: 205H2 **Tỷ lệ:**100%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L01

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1200009	Hồ Quốc	An			8	Tám	
2	V1200127	Võ Tuấn	Anh			7,5	Bảy rưỡi	
3	V1200316	Lê Hoàng	Châu			7,5	Bảy rưỡi	
4	V1100373	Hoàng Ngọc Anh	Chiến			6,5	Sáu rưỡi	
5	V1200534	Huỳnh Nguyễn Khánh	Duy	✓		0	Không	
6	V1100561	Kim Khánh	Duy	✓		0	Không	
7	V1200816	Nguyễn Văn	Được			6	Sáu	
8	V1200893	Nguyễn Bá	Giáp			7	Bảy	
9	V1201412	Trương Nhật	Huy			7,5	Bảy rưỡi	
10	V1101629	Huỳnh Đăng	Khoa	✓		0	Không	
11	V1201694	Lê Bách	Khoa			8	Tám	
12	V1201769	Phan Trung	Kiên			7	Bảy	
13	V1101740	Hoàng	Kym			5	Năm	
14	V1201815	Nguyễn Gia	Lai			6	Sáu	
15	V1201822	Nguyễn Ngọc Hương	Lan			8,5	Tám rưỡi	
16	V1202013	Nguyễn Tấn	Lộc			7	Bảy	
17	V1202222	Bùi Phương	Nam			1	Một	
18	V1202454	Nguyễn Nhất	Nguyên			7,5	Bảy rưỡi	
19	V1202483	Nguyễn Đăng	Ngữ			8,5	Tám rưỡi	
20	V1202709	Đặng Thanh	Phong	✓		0	Không	
21	V1202739	Trần	Phong			7	Bảy	
22	V1202770	Võ Phong	Phú			8,5	Tám rưỡi	
23	V1202901	Đinh Văn	Phường			8	Tám	
24	V1203317	Võ Chí	Tân			8	Tám	
25	V1203357	Phan Thị Bích	Thao			8	Tám	
26	V1203447	Lương Thị Ngọc	Thảo			7	Bảy	
27	V1203546	Nguyễn Hồng	Thiên			6	Sáu	
28	V1203637	Trần Kim	Thịnh			7	Bảy	
29	V1103639	Huỳnh Trung	Tín			6	Sáu	
30	V1003585	Nguyễn Đình Minh	Trí			7,5	Bảy rưỡi	
31	V1204170	Trần Việt	Trung			7	Bảy	
32	V1204293	Nguyễn Thanh	Tuấn			8	Tám	
33	V1003947	Nguyễn Thị Thùy	Vân			6,5	Sáu rưỡi	
34	V1204570	Võ Đại	Vinh			7	Bảy	
35	V1204587	Trần Quốc	Vủ	✓		0	Không	
36	V1204670	Trần Lê	Vương			7,5	Bảy rưỡi	

*Danh sách này có **36** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **07/01/2015**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Trung

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

LK-Điền

Ngày nộp: 6/1/15
<CK - 192/327>
IGV: 07/01/15

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 24/12/2014 **Tiết:** 2-3
Phòng: 201H2 **Tỷ lệ:** 100%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L04-A

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1200022	Phan Thị Quế	An			7	Bảy	
2	V1200214	Võ Thị Trần	Bảy			9	Chín	
3	V1200300	Nguyễn Minh	Cầu			7,5	Bảy rưỡi	
4	V1200357	Lưu Thiện	Chí			9	Chín	
5	V1200404	Trương Vĩnh	Cơ			0	Không	Vắng
6	V1200487	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm			6,5	Sáu rưỡi	
7	V1200488	Nguyễn Kim	Diện			8,5	Tám rưỡi	
8	V1200692	Đặng Quốc	Đạt			8,5	Tám rưỡi	
9	V1200794	Đỗ Văn	Đông			7	Bảy	
10	V1200994	Trần Nguyên	Hảo			8	Tám	
11	V1201295	Đào Duy	Hổ			8	Tám	
12	V1201567	Phạm Lê Minh	Kha			7,5	Bảy rưỡi	
13	V1201633	Nguyễn Duy	Khánh			8	Tám	
14	V1201739	Huỳnh Bá	Khôi			8	Tám	
15	V1201800	Vũ Đình Anh	Kiệt			7,5	Bảy rưỡi	
16	V1201930	Vũ Ngọc Phương	Linh			8	Tám	
17	V1201958	Nguyễn	Long			7	Bảy	
18	V1201981	Phạm Thanh	Long			7	Bảy	
19	V1201979	Phạm Thanh	Long			7,5	Bảy rưỡi	
20	V1201998	Đinh Thành	Lộc			8	Tám	
21	V1202252	Nguyễn Đại	Nam			7,5	Bảy rưỡi	
22	V1202294	Trần Hoàn	Nam			7	Bảy	
23	V1202313	Nguyễn Thị Hồng	Nga			6	Sáu	
24	V1202356	Lê Tuấn	Nghĩa			7	Bảy	
25	V1002114	Nguyễn Tiến	Nghĩa			5,5	Năm rưỡi	
26	V1202767	Thóng Mỹ	Phú			7,5	Bảy rưỡi	
27	V1202769	Trần Hữu	Phú			8	Tám	
28	V1202780	Đoàn Minh	Phúc			6,5	Sáu rưỡi	
29	V1202919	Đoàn Diệp Duy	Quang			7,5	Bảy rưỡi	
30	V1202980	Nguyễn Minh	Quân			0	Không	Vắng
31	V1203008	Phan Anh	Quốc			5	Năm	
32	V1203021	Lê Ngọc	Quyên			7	Bảy	
33	V1203187	Trần Hồng	Sơn			7,5	Bảy rưỡi	
34	V1203204	Trương Văn	Sỹ			7,5	Bảy rưỡi	
35	V1203450	Nguyễn Dương Linh	Thảo			6	Sáu	
36	V1203528	Hồ Đắc	Thân			6	Sáu	
37	V1203539	Nguyễn Tấn	Thi			7	Bảy	
38	V1203628	Nguyễn Quốc	Thịnh			7	Bảy	
39	V1203662	Nguyễn Đức	Thông			8	Tám	
40	V1204253	Đào Nguyên	Tuấn			8,5	Tám rưỡi	

*Danh sách này có **40** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **07/01/2015**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tùng

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

CK Điền

Ngày nộp: 6/1/15

<CK - 196/327>

DGN: 07/01/15

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THI

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: 24/12/2014 **Tiết:** 2-3
Phòng: 201H2 **Tỷ lệ:** 100%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L04-B

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1001600	Đặng Thành	Khương			0	Không	Vắng
2	V1202470	Trương Văn	Nguyên			7	Bảy	
3	V1202694	Trần Chấn	Phát			8	Tám	
4	V1002585	Nguyễn Đăng	Quang			2	Hai	
5	V1203226	Nguyễn Hữu Anh	Tài			6,5	Sáu rưỡi	
6	V1203275	Trương Nguyễn Đức	Tâm			7	Bảy	
7	V1203363	Lê Hồng	Thái			5	Năm	
8	V1203827	Nguyễn Quang	Tiến		Tiến	7	Bảy	
9	V1204035	Hồ Thanh	Trí			8,5	Tám rưỡi	
10	V1204210	Nguyễn Đăng	Trường			6,5	Sáu rưỡi	
11	V1204376	Trần Anh	Tú			7	Bảy	

*Danh sách này có **11** sinh viên. In ngày **12/11/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **07/01/2015**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tùng

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

LK Điền

Ngày nộp: 6/1/15

<CK - 197/327>

ĐGN: 07/01/15

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Tỷ lệ: 100 %

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

MÔN HỌC : **Cơ Học Máy**

CBGD: **Lê Khánh Điền - 001288**

Mã MH: 209039 **Số TC: 3.0**

2.1 6.5 5.18

Nhóm - tổ: L01

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (20%)	Thí nghiệm	Ktra Giữa kỳ (25 %)	BTL/TL (25 %)	Thi (30 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	V1200009	Hồ Quốc	An	9.00		6.5	8.5	8.50	8	tám	
2	V1200127	Võ Tuấn	Anh	9.00		5.50	8.50	7.50	7.5	bảy rưỡi	
3	V1200316	Lê Hoàng	Châu	9.50		6.50	6.00	7.50	7.5	bảy rưỡi	
4	V1100373	Hoàng Ngọc Anh	Chiến	8.50		7.50	5.00	5.00	6.5	Sáu rưỡi	
5	V1200534	Huỳnh Nguyễn Khánh	Duy	0.00		0.00	0.00	0.00	0	Không	
6	V1100561	Kim Khánh	Duy	0.00		0.00	0.00	0.00	0	Không	
7	V1200816	Nguyễn Văn	Được	8.50		5.50	5.00	5.00	6	Sáu	
8	V1200893	Nguyễn Bá	Giáp	5.00		7.00	7.50	7.50	7	Bảy	
9	V1201412	Trương Nhật	Huy	9.00		5.50	8.50	7.50	7.5	Bảy rưỡi	
10	V1101629	Huỳnh Đăng	Khoa	0.00		0.00	0.00	0.00	0	Không	
11	V1201694	Lê Bách	Khoa	9.00		5.50	8.50	9.00	8	Tám	
12	V1201769	Phan Trung	Kiên	9.00		6.00	8.50	6.00	7	Bảy	
13	V1101740	Hoàng	Kym	6.00		5.00	5.00	4.50	5	Năm	
14	V1201815	Nguyễn Gia	Lai	9.00		5.00	8.50	3.50	6	Sáu	
15	V1201822	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	9.00		7.50	8.50	9.50	8.5	Tám rưỡi	
16	V1202013	Nguyễn Tấn	Lộc	8.50		5.50	8.50	6.50	7	Bảy	
17	V1202222	Bùi Phương	Nam	5.00		5.00	5.00	1.00	1	Một	
18	V1202454	Nguyễn Nhất	Nguyên	9.00		5.50	8.50	7.00	7.5	Bảy rưỡi	
19	V1202483	Nguyễn Đăng	Ngữ	9.00		6.00	8.50	10.00	8.5	Tám rưỡi	
20	V1202709	Đặng Thanh	Phong	0.00		0.00	0.00	0.00	0	Không	
21	V1202739	Trần	Phong	9.00		5.50	7.50	6.00	7	Bảy	

22	V1202770	Võ Phong	Phú	9.00		6.50	7.50	10.00	8.5	Tám rưỡi	
23	V1202901	Đinh Văn	Phường	8.00		6.00	8.00	10.00	8	Tám	
24	V1203317	Võ Chí	Tân	7.50		6.00	8.00	10.00	8	Tám	
25	V1203357	Phan Thị Bích	Thao	8.00		7.00	7.50	9.00	8	Tám	
26	V1203447	Lương Thị Ngọc	Thảo	9.00		7.00	8.00	4.00	7	Bảy	
27	V1203546	Nguyễn Hồng	Thiên	7.50		6.00	6.00	5.00	6	Sáu	
28	V1203637	Trần Kim	Thịnh	8.00		5.00	8.50	7.00	7	Bảy	
29	V1103639	Huỳnh Trung	Tín	9.00		5.00	7.50	4.00	6	Sáu	
30	V1003585	Nguyễn Đình Minh	Trí	9.00		5.50	7.50	7.50	7.5	Bảy rưỡi	
31	V1204170	Trần Việt	Trung	9.00		5.00	7.50	7.50	7	Bảy	
32	V1204293	Nguyễn Thanh	Tuấn	9.00		6.00	8.50	9.00	8	Tám	
33	V1003947	Nguyễn Thị Thùy	Vân	9.00		6.00	5.00	6.50	6.5	Sáu rưỡi	
34	V1204570	Võ Đại	Vinh	9.50		5.50	7.00	6.00	7	Bảy	
35	V1204587	Trần Quốc	Vủ	0.00		0.00	0.00	0.00	0	Không	
36	V1204670	Trần Lê	Vương	9.50		5.50	9.00	6.50	7.5	Bảy rưỡi	

CB chấm thi
(Họ tên & chữ ký)

L K Điền

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 07/01/2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Tỷ lệ: 100 %

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

MÔN HỌC : **Cơ Học Máy**

CBGD: **Lê Khánh Điền - 001288**

Mã MH: 209039 **Số TC: 3.0**

Nhóm - tổ: L04-A

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập 20%	Thí nghiệm	Ktra Giữa kỳ (25 %)	BTL/TL (25 %)	Thi (30 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	V1200022	Phan Thị Quế	An	9		6.5	9	4.5	7	Bảy	
2	V1200214	Võ Thị Trần	Bảy	9		7.5	9	9.5	9	Chín	
3	V1200300	Nguyễn Minh	Cầu	8		6	9	6.5	7.5	bảy rưỡi	
4	V1200357	Lưu Thiện	Chí	9		7.5	8.5	10	9	Chín	
5	V1200404	Trương Vĩnh	Cơ	0		0	0	0	0	Không	
6	V1200487	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	9		6	8.5	3.5	6.5	Sáu rưỡi	
7	V1200488	Nguyễn Kim	Diện	9		6	9.5	9.5	8.5	Tám rưỡi	
8	V1200692	Đặng Quốc	Đạt	9		6.5	8.5	10	8.5	Tám rưỡi	
9	V1200794	Đỗ Văn	Đông	7		6	8.5	7	7	Bảy	
10	V1200994	Trần Nguyên	Hảo	9		6	9.5	8	8	Tám	
11	V1201295	Đào Duy	Hổ	9		6	9.5	8	8	Tám	
12	V1201567	Phạm Lê Minh	Kha	8.5		6	8	7.5	7.5	Bảy rưỡi	
13	V1201633	Nguyễn Duy	Khánh	9		6	8	9.5	8	Tám	
14	V1201739	Huỳnh Bá	Khôi	9		6	8	8.5	8	Tám	
15	V1201800	Vũ Đình Anh	Kiệt	9		6	8.5	7	7.5	Bảy rưỡi	
16	V1201930	Vũ Ngọc Phương	Linh	9		6.5	8.5	7.5	8	Tám	
17	V1201958	Nguyễn	Long	8.5		5.5	8	6	7	Bảy	
18	V1201981	Phạm Thanh	Long	8		6.5	7.5	6.5	7	Bảy	
19	V1201979	Phạm Thanh	Long	9		6.5	8	7	7.5	Bảy rưỡi	
20	V1201998	Đinh Thành	Lộc	9		6.5	8	8	8	Tám	
21	V1202252	Nguyễn Đại	Nam	9.5		7	7.5	6.5	7.5	Bảy rưỡi	

22	V1202294	Trần Hoàn	Nam	9		6	7.5	6.5	7	Bảy	
23	V1202313	Nguyễn Thị Hồng	Nga	9		6	5	5	6	Sáu	
24	V1202356	Lê Tuấn	Nghĩa	8		7	5	8	7	Bảy	
25	V1002114	Nguyễn Tiến	Nghĩa	8		6	5	4.5	5.5	Năm rưỡi	
26	V1202767	Thóng Mỹ	Phú	8		5.5	8.5	8.5	7.5	Bảy rưỡi	
27	V1202769	Trần Hữu	Phú	9		6	9	7.5	8	Tám	
28	V1202780	Đoàn Minh	Phúc	8		5.5	8	5.5	6.5	Sáu rưỡi	
29	V1202919	Đoàn Diệp Duy	Quang	9		6.5	5	10	7.5	Bảy rưỡi	
30	V1202980	Nguyễn Minh	Quân	0		0	0	0	0	Không	
31	V1203008	Phan Anh	Quốc	4		6.5	5	5	5	Năm	
32	V1203021	Lê Ngọc	Quyên	9		5.5	8	5.5	7	Bảy	
33	V1203187	Trần Hồng	Sơn	7		7	8	8.5	7.5	Bảy rưỡi	
34	V1203204	Trương Văn	Sỹ	9		5.5	8	8.5	7.5	Bảy rưỡi	
35	V1203450	Nguyễn Dương Linh	Thảo	6		6	7.5	5.5	6	Sáu	
36	V1203528	Hồ Đắc	Thân	9		6	7.5	3.5	6	Sáu	
37	V1203539	Nguyễn Tấn	Thi	9		6.5	7.5	5	7	Bảy	
38	V1203628	Nguyễn Quốc	Thịnh	8.5		5.5	7	6.5	7	Bảy	
39	V1203662	Nguyễn Đức	Thông	8		6.5	7	10	8	Tám	
40	V1204253	Đào Nguyên	Tuấn	9		6.5	8.5	9.5	8.5	tám rưỡi	

CB chấm thi

(Họ tên & chữ ký)

LK Điền

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 07/01/2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM THÀNH PHẦN

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Tỷ lệ: 100 %

MÔN HỌC : Cơ Học Máy

CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

Mã MH: 209039 **Số TC: 3.0**

Nhóm - tổ: L04-B

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập (20 %)	Thí nghiệm	Ktra Giữa kỳ (25 %)	BTL/TL (25 %)	Thi (30 %)	TỔNG KẾT		GHI CHÚ
									Điểm số	Điểm chữ	
1	V1001600	Đặng Thành	Khương	0		0	0	0	0	Không	
2	V1202470	Trương Văn	Nguyên	9		5.5	9	4.5	7	Bảy	
3	V1202694	Trần Chấn	Phát	8		6.5	8.5	8.5	8	Tám	
4	V1002585	Nguyễn Đăng	Quang	0		5	0	2	2	Hai	
5	V1203226	Nguyễn Hữu Anh	Tài	6		5	6	8	6.5	Sáu rưỡi	
6	V1203275	Trương Nguyễn Đức	Tâm	9		5.5	6	7.5	7	Bảy	
7	V1203363	Lê Hồng	Thái	5		5.5	6	4	5	Năm	
8	V1203827	Nguyễn Quang	Tiến	8		5.5	7	7	7	Bảy	
9	V1204035	Hồ Thanh	Trí	9		6.5	8	10	8.5	Tám rưỡi	
10	V1204210	Nguyễn Đăng	Trường	9		5	8	4.5	6.5	Sáu rưỡi	
11	V1204376	Trần Anh	Tú	9		5	8	7	7	bảy	

CB chấm thi
(Họ tên & chữ ký)

2 K Điền

Nộp bảng điểm về bộ môn trước ngày 07/01/2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: **Tiết:** 0-0
Phòng: **Tỷ lệ:**45%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L01

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1200009	Hồ Quốc	An			6.5	Sáu rưỡi	
2	V1200127	Võ Tuấn	Anh			5,5	Năm rưỡi	
3	V1200316	Lê Hoàng	Châu			6.5	Sáu rưỡi	
4	V1100373	Hoàng Ngọc Anh	Chiến			5	Năm	
5	V1200534	Huỳnh Nguyễn Khánh	Duy				(13)	
6	V1100561	Kim Khánh	Duy				(13)	
7	V1200816	Nguyễn Văn	Được			5,5	Năm rưỡi	
8	V1200893	Nguyễn Bá	Giáp			7	Bảy	
9	V1201412	Trương Nhật	Huy			5,5	Năm rưỡi	
10	V1101629	Huỳnh Đăng	Khoa				(13)	
11	V1201694	Lê Bách	Khoa			5,5	Năm rưỡi	
12	V1201769	Phan Trung	Kiên			6	Sáu	
13	V1101740	Hoàng	Kym			5	Năm	
14	V1201815	Nguyễn Gia	Lai			5,5	Năm rưỡi	
15	V1201822	Nguyễn Ngọc Hương	Lan			7,5	Bảy rưỡi	
16	V1202013	Nguyễn Tấn	Lộc			5,5	Năm rưỡi	
17	V1202222	Bùi Phương	Nam			5	Năm	
18	V1202454	Nguyễn Nhất	Nguyên			5,5	Năm rưỡi	
19	V1202483	Nguyễn Đăng	Ngữ			6	Sáu	
20	V1202709	Đặng Thanh	Phong				(13)	
21	V1202739	Trần	Phong			5,5	Năm rưỡi	
22	V1202770	Võ Phong	Phú			6.5	Sáu rưỡi	
23	V1202901	Đinh Văn	Phường			6	Sáu	
24	V1203317	Võ Chí	Tân			6	Sáu	
25	V1203357	Phan Thị Bích	Thao			7	Bảy	
26	V1203447	Lương Thị Ngọc	Thảo			7	Bảy	
27	V1203546	Nguyễn Hồng	Thiên			6	Sáu	
28	V1203637	Trần Kim	Thịnh			5,5	Năm rưỡi	
29	V1103639	Huỳnh Trung	Tín			5	Năm	
30	V1003585	Nguyễn Đình Minh	Trí			5,5	Năm rưỡi	
31	V1204170	Trần Việt	Trung			5	Năm	
32	V1204293	Nguyễn Thanh	Tuấn			6	Sáu	
33	V1003947	Nguyễn Thị Thùy	Vân			6	Sáu	
34	V1204570	Võ Đại	Vinh			5,5	Năm rưỡi	
35	V1204587	Trần Quốc	Vủ				(13)	
36	V1204670	Trần Lê	Vương			5,5	Năm rưỡi	

*Danh sách này có **36** sinh viên. In ngày **18/09/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **15/12/2014**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tùng

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

L. K. Điền

Ngày nộp: 15/12/14

<CK - 193/347>

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: **Tiết:** 0-0
Phòng: **Tỷ lệ:**45%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0
Nhóm-tổ: L04-A

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1200022	Phan Thị Quế	An	1		6.5	Sáu rưỡi	
2	V1200214	Võ Thị Trân	Bảy	1		7.5	Bảy rưỡi	
3	V1200300	Nguyễn Minh	Cầu	1	Cầu	6	Sáu	
4	V1200357	Lưu Thiện	Chí	1		7.5	Bảy rưỡi	
5	V1200404	Trương Vĩnh	Cơ				(13)	
6	V1200487	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	1	Diễm	6	Sáu	
7	V1200488	Nguyễn Kim	Diện	1		6	Sáu	
8	V1200692	Đặng Quốc	Đạt	1		6.5	Sáu rưỡi	
9	V1200794	Đỗ Văn	Đông	1	Đông	6	Sáu	
10	V1200994	Trần Nguyên	Hảo	1		6	Sáu	
11	V1201295	Đào Duy	Hổ	1		6	Sáu	
12	V1201567	Phạm Lê Minh	Kha	1		6	Sáu	
13	V1201633	Nguyễn Duy	Khánh	1	Khánh	6	Sáu	
14	V1201739	Huỳnh Bá	Khôi	1		6	Sáu	
15	V1201800	Vũ Đình Anh	Kiệt	1		6	Sáu	
16	V1201930	Vũ Ngọc Phương	Linh	1		6.5	Sáu rưỡi	
17	V1201958	Nguyễn	Long	1	Long	5,5	Năm rưỡi	
18	V1201981	Phạm Thanh	Long	1		6,5	Sáu rưỡi	
19	V1201979	Phạm Thanh	Long	1		6,5	Sáu rưỡi	
20	V1201998	Đinh Thành	Lộc	1		6,5	Sáu rưỡi	
21	V1202252	Nguyễn Đại	Nam	1	Nam	7	Bảy	
22	V1202294	Trần Hoàn	Nam	1		6	Sáu	
23	V1202313	Nguyễn Thị Hồng	Nga	1		6	Sáu	
24	V1202356	Lê Tuấn	Nghĩa	1		7	Bảy	
25	V1002114	Nguyễn Tiến	Nghĩa	1		6	Sáu	
26	V1202767	Thóng Mỹ	Phú	1		5,5	Năm rưỡi	
27	V1202769	Trần Hữu	Phú	1		6	Sáu	
28	V1202780	Đoàn Minh	Phúc	1		5,5	Năm rưỡi	
29	V1202919	Đoàn Diệp Duy	Quang	1	Quang	6,5	Sáu rưỡi	
30	V1202980	Nguyễn Minh	Quân				(13)	
31	V1203008	Phan Anh	Quốc	1		6,5	Sáu rưỡi	
32	V1203021	Lê Ngọc	Quyên	1		5,5	Năm rưỡi	
33	V1203187	Trần Hồng	Sơn	1		7	Bảy	
34	V1203204	Trương Văn	Sỹ	1		5,5	Năm rưỡi	
35	V1203450	Nguyễn Dương Linh	Thảo	1		6	Sáu	
36	V1203528	Hồ Đắc	Thân	1		6	Sáu	
37	V1203539	Nguyễn Tấn	Thi	1		6,5	Sáu rưỡi	
38	V1203628	Nguyễn Quốc	Thịnh	1		5,5	Năm rưỡi	
39	V1203662	Nguyễn Đức	Thông	1		6,5	Sáu rưỡi	
40	V1204253	Đào Nguyên	Tuấn	1		6,5	Sáu rưỡi	

Danh sách này có 40 sinh viên. In ngày 18/09/2014. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày 15/12/2014.

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tùng

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

L.K Điền

Ngày nộp: 15/12/14

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA

Năm học/Học kỳ: 2014-2015/1

Ngày: **Tiết:** 0-0
Phòng: **Tỷ lệ:**45%
Mã MH: 209039 **Số TC:** 3.0

MÔN HỌC: Cơ học máy
CBGD: Lê Khánh Điền - 001288
Nhóm-tổ: L04-B

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ	Ghi chú
1	V1001600	Đặng Thành	Khương				(13)	
2	V1202470	Trương Văn	Nguyên	1		5,5	Năm rưỡi	
3	V1202694	Trần Chấn	Phát	1		6,5	Sáu rưỡi	
4	V1002585	Nguyễn Đăng	Quang	1		5	Năm	
5	V1203226	Nguyễn Hữu Anh	Tài	1		5	Năm	
6	V1203275	Trương Nguyễn Đức	Tâm	1		5,5	Năm rưỡi	
7	V1203363	Lê Hồng	Thái	1		5,5	Năm rưỡi	
8	V1203827	Nguyễn Quang	Tiến	1		5,5	Năm rưỡi	
9	V1204035	Hồ Thanh	Trí	1		6.5	Sáu rưỡi	
10	V1204210	Nguyễn Đăng	Trường	1		5	Năm	
11	V1204376	Trần Anh	Tú	1		5	Năm	

*Danh sách này có **11** sinh viên. In ngày **18/09/2014**. Nộp bảng điểm về PĐT trước ngày **15/12/2014**.*

Xác nhận BM/Khoa: (họ tên & chữ ký)

Phan Tấn Tùng

CB chấm thi: (họ tên & chữ ký)

L.K-Điền

Ngày nộp: 15/12/14